ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN
QUỐC TẾ ĐỒNG NAI

(Sửa đổi lần 3, Ngày 04 Tháng 6 Năm 2015)

Tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

CĂN CỨ:
Chương I
CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI 3
Điều 1. Các định nghĩa và nguyên tắc diễn giải 3
Chương II
HÌNH THỨC, TÊN GỌI, TRỤ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 2. Hình thức của Công Ty 7
Điều 3. Tên của Công Ty 7
Điều 4. Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công Ty Con và Bên Liên Kết của Công Ty 7
Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty 7
Điều 6. Thời hạn hoạt động của Công Ty 8
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật 8
Chương III
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU 9
Điều 8. Vốn Điều Lệ Của Công Ty 9
Điều 9. Tăng và giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty 9
Điều 10. Cổ Đông của Công Ty 9
Điều 11. Các loại Cổ phần 9
Điều 12. Cổ Phiếu 10
Điều 13. Sổ Đăng Ký Cổ Đông 11
Điều 14. Quyền của Cổ Đông Phổ Thông 11
Điều 15. Nghĩa vụ của Cổ Đông Phổ Thông 13
Điều 16. Chuyển Nhượng Cổ Phần 13
Điều 17. Chào bán cổ phần 14
Điều 18. Chào bán cổ phần riêng lẻ 14
Điều 19. Chào bán cổ phần cho Cổ Đông hiện hữu 15
Điều 20. Bán cổ phần 15
Điều 21. Phát Hành Trái Phiếu 16
Điều 22. Mục đích của Cổ Phần và trái phiếu 16
Điều 23. Mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông 16
Điều 24. Mua lại Cổ Phần theo Quyết Định Của Công Ty 17
Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ Phần và trái phiếu được mua lại 17
Điều 26. Trả cổ tức 18
Điều 27. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần, trái phiếu mua lại hoặc cổ tức 19
Chương IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY 19
Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công Ty 19
Điều 29. Đại Hội Đồng Cổ Đông 20
Điều 30. Thẩm quyền triệu tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 20
Điều 31. Danh sách Cổ Đông có quyền dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 21
Điều 32. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 33. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 34. Quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 23
Điều 35. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 24
Điều 36. Thể thức tiến hành họp vào biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông 24
Điều 37. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 25
Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 26
Điều 39. Biên Bản Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 27
Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 28
Điều 41. Hội Đồng Quản Trị 28
Điều 42. Nhiệm Kỳ và Số Lượng Thành Viên Hội Đồng Quản Trị 30
Điều 43. Các Tiêu Chuẩn và Điều Kiện Làm Thành Viên Hội Đồng Quản Trị 30
Điều 44. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị 30
Điều 45. Các Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị 31
Điều 46. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 32
Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Thành Viên Hội Đồng 32
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành Viên Hội Đồng 33

Điều 49. Bế tắc 33
Điều 50. Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) 34
Điều 51. Ban Kiểm Soát 35
Điều 52. Các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát 35
Điều 53. Các quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát 35
Điều 54. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát 36
Điều 55. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban Kiểm Soát 37
Điều 56. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) 37
Điều 57. Công khai các lợi ích liên quan 38
Điều 58. Nghĩa vụ của các chức danh quản lý của Công Ty 39
Điều 59. Hợp đồng và giao dịch phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận trước 39
Điều 60. Trình báo cáo hàng năm 40
Điều 61. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công Ty 41
Điều 62. Công khai và tiếp cận Thông tin của Công Ty 41
Chương V
NHỮNG VẤN ĐỀ CỔ ĐÔNG ĐƯỢC BẢO LƯU
THỐNG KÊ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 42
Điều 63. Năm Tài Chính 42
Điều 64. Kế Toán và Báo Cáo Tài Chính 43
Điều 65. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và nguyên tắc chịu lỗ trong kinh doanh 43
Điều 66. Cấp Vốn cho Công Ty 43
Chương VI
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY 45
Điều 67. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công Ty 45
Điều 68. Giải thể và thanh lý tài sản của Công Ty 45
Chương VII
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC 45
Điều 69. Giải quyết tranh chấp 45
Điều 70. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc 45
Điều 71. Hiệu lực và Giá trị của Điều Lệ 46
Điều 72. Các quy định khác 46
PHỤ LỤC I Danh sách Cổ Đông Sáng Lập 48

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ ĐỒNG NAI

CĂN CỨ:

1. Luật Doanh Nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 ("**Luật Doanh Nghiệp**"), và các sửa đổi, bổ sung, tại từng thời điểm;

2. Luật Đầu Tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 ("**Luật Đầu Tư**"), và các sửa đổi, bổ sung, tại từng thời điểm;

3. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu Tư, và các luật hiện hành khác, và các sửa đổi, bổ sung, tại từng thời điểm;

Các Cổ Đông của Công Ty cùng nhau thỏa thuận nhất trí thông qua Điều Lệ của Công Ty bằng một Nghị Quyết họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 04 tháng 06 năm 2015, với các chương, điều và khoản như sau:

Chương I

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

Điều 1. Các định nghĩa và nguyên tắc diễn giải

1.1 Các định nghĩa

Trong Điều Lệ này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu hiểu khác đi:-

(a) "**Số Vốn Góp Thêm**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.1(i);

(b) "**Ngày Góp Thêm Vốn**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.1(ii);

(c) "**Thông Báo Góp Thêm Vốn**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.1;

(d) "**Cuộc Họp Bị Hoãn**" có nghĩa như được quy định tại Điều 45.4 (b);

(e) "**Bên Liên Kết**" có nghĩa là, đối với công ty, Công Ty Liên Kết tùy từng thời điểm và đối với cá nhân, vợ, chồng, họ hàng (bao gồm con nuôi, cháu (nội,ngoại) nuôi hoặc con riêng (của vợ, chồng) của cá nhân đó, hoặc công ty tư nhân mà bất kỳ người nào nói trên có lợi ích kiểm soát, tùy từng thời điểm;

(f) "**Hội Đồng Quản Trị**" hoặc "**Hội Đồng**" có nghĩa là Hội Đồng Quản Trị của Công Ty;

(g) "**Ban Kiểm Soát**" có nghĩa là Ban Kiểm Soát của Công Ty;

(h) "**Thành Viên Hội Đồng**" có nghĩa là một thành viên của Hội Đồng Quản Trị;

(i) "**Ngày Làm Việc**" có nghĩa là bất kỳ ngày nào (trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ tại Việt Nam) mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa để giao dịch bình thường tại Việt Nam

(j) "**Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh**" có nghĩa là Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai, hoặc bất kỳ cơ quan nào khác được trao thẩm quyền như vậy, tại từng thời điểm;

(k) "**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp**"" hoặc "**GCNĐKDN**" có nghĩa là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3602451527 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công Ty, và được sửa đổi bổ sung, tại từng thời điểm);

(l) "**Điều Lệ**" có nghĩa là Điều Lệ này được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Công Ty vào ngày 04 tháng 6 năm 2015, và các sửa đổi, bổ sung, tại từng thời điểm;

(m) "**Vốn Điều Lệ**" có nghĩa là vốn điều lệ của Công Ty như đã được quy định trong Điều Lệ này;

(n) "**Công Ty**" có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Quốc Tế Đồng Nai có thông tin được nêu tại Chương II của Điều Lệ này;

(o) "**Người Có Liên Quan**" của một người có nghĩa là, trong từng trường hợp cụ thể được áp dụng, bất kỳ người nào dưới đây:

(i) trong trường hợp người đó là một cá nhân, là vợ, chồng, cha, mẹ, cô dì, thím, mợ, bác gái, chú, bác trai, cậu, ông bà (nội, ngoại), anh em trai, anh em trai (cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha), anh em trai (chồng, vợ), chị em gái, chị em gái (cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha), chị em gái (chồng, vợ), con riêng (của vợ, chồng), con rể, con dâu, cháu (nội, ngoại) hoặc con của chị em gái hoặc anh em trai của cha mẹ của người đó hoặc bất kỳ người nào sống trong cùng một ngôi nhà với người đó;

(ii) bất kỳ doanh nghiệp nào mà người đó, một mình hoặc cùng với bất kỳ người nào được nêu tại Điểm (i) trên đây, trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 5% (Năm Phần Trăm) vốn chủ sở hữu của Công Ty đó;

(iii) bất kỳ doanh nghiệp nào mà người đó, một mình hoặc cùng với bất kỳ người nào được nêu tại Điểm (i) trên đây, trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý;

(iv) trong trường hợp người đó là doanh nghiệp, bất kỳ người nào khác được quy định là người có liên quan của người đó theo quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp; và

(v) bất kỳ người nào được chỉ định hoặc là người đại diện theo ủy quyền của người đó, bao gồm cả mục đích tham gia vào bất kỳ giao dịch nào tạo thành một Giao Dịch Với Bên Có Liên Quan;

(p) "**Luật Doanh Nghiệp**" có nghĩa là Luật số 68/2014/QH13, được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

(q) "**Luật Đầu Tư**" có nghĩa là Luật số 67/2014/QH13, được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

(r) "**Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.4;

(s) "**Ngày Góp Vốn Còn Dư**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.4(iii);

(t) "**Thông Báo Góp Vốn Còn Dư**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.4;

(u) "**Báo Cáo Tài Chính**" có nghĩa là các báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (lãi và lỗ), báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, và thuyết minh báo cáo tài chính của Công Ty được lập theo quy định của Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) và Các Tiêu Chuẩn Báo Cáo Tài Chính Quốc Tế (IFRS);

(v) "**Năm Tài Chính**" có nghĩa, liên quan đến bất kỳ đến thực thể thể nào, là năm tài chính của thực thể đó;

(y) "**Cổ Đông Sáng Lập**" có nghĩa là Tổng Công Ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai, Ông Nguyễn Trọng Đoàn, Ông Nguyễn Trọng Hùng và Nhóm Cổ Đông Cá Nhân khác.

(z) "**Góp Thêm Vốn**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.4;

(aa) "**Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn Khác**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.4;

(bb) "**Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn**" có nghĩa như được quy định tại Điều 66.1.4;

(cc) "**Tổng Giám Đốc**" có nghĩa là Tổng Giám Đốc của Công Ty;

(dd) "**Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**" hoặc "**HĐHĐCĐ**" có nghĩa là Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty, theo như quy định trong Điều Lệ;

(ee) "**Các Công Ty Thuộc Tập Đoàn**" có nghĩa là Công Ty Cổ phần Y khoa Hoàn Mỹ và các Công Ty con của Công Ty Cổ phần Y Khoa Hoàn Mỹ, và "**Công Ty Thuộc Tập Đoàn**" có nghĩa là mỗi một công ty như thế;

(ff) "**Lợi Ích**" bao gồm những lợi ích trực tiếp và gián tiếp dưới mọi hình thức trong hay liên quan đến bất kỳ cổ phần hay quyền kiểm soát biểu quyết nào hay các quyền khác gắn liền với bất kỳ cổ phần nào, mà không xét đến các điều kiện hoặc giới hạn mà việc thực thi các quyền gắn với những lợi ích này phải tuân thủ;

(gg) "**Những Người Nắm Giữ Lợi Ích**" có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ và "Người Nắm Giữ Lợi Ích" có nghĩa là mỗi một người trong số những người này;

(hh) "**Giấy Chứng Nhận Đầu Tư**" hoặc "**GCNĐT**" có nghĩa là Giấy Chứng nhận Đầu tư cho phép Công Ty thực hiện các hoạt động kinh doanh được nêu trong GCNĐKKD.

(ii) "**Pháp Luật Việt Nam**" có nghĩa là bất kỳ văn bản luật nào được nêu tại Điều 1 của Luật Ban hành Văn bản quy phạm Pháp luật ngày 3 tháng 6 năm 2008, và nêu tại Điều 1 của Luật Ban hành Văn bản quy phạm Pháp luật của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 12 năm 2004, và được sửa đổi tại từng thời điểm;

(jj) "**Chứng Chỉ Ghi Nợ**" có nghĩa là bất kỳ hình thức chứng khoán nợ nào mà Công Ty có thể phát hành theo những quy định của Điều Lệ này;

(kk) "**Các Giao Dịch Với Bên Liên Quan**" có nghĩa là (1) bất kỳ giao dịch nào được dự liệu bởi Điều 162.1 của Luật Doanh Nghiệp hoặc (2) bất kỳ giao dịch nào mà một Thành Viên Hội Đồng được Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ chỉ định để tham gia vào bất kỳ giao dịch, dàn xếp hoặc mua bán giữa một bên là một Công Ty Thuộc Nhóm, một bên là chính người đó hoặc bất kỳ Bên Liên Kết nào của người đó;

(ll) "**Bên Nhận Chuyển Nhượng Bị Giới Hạn**" có nghĩa là, đối với Bên Đề Nghị là bên thứ ba tiềm năng, (1) một người mà danh tiếng cá nhân hay trong kinh doanh của người đó có thể làm cho người đó không thể nào được chấp nhận là một đối tác kinh doanh của bất kỳ cổ đông hiện hữu bình thường nào, (ii) một người mà bất kỳ một người bình thường nào cho là người đó không đủ khả năng tài chính hoặc vẫn còn chờ để có thể tuân thủ những điều khoản của Điều Lệ này, hoặc (iii) một người đang tiến hành, tham gia vào hay có lợi về mặt kinh tế với bất kỳ hoạt động kinh doanh nào tại Việt Nam giống hay tương tự với loại hình kinh doanh và là hoặc có thể là loại hình doanh cạnh tranh với loại hình doanh của bất kỳ Công Ty Thuộc Nhóm nào;

(mm) "**Cổ Phiếu**" có nghĩa là Cổ Phiếu do Công Ty phát hành, ghi nhận sở hữu đối với một hoặc một số Cổ Phần trong Vốn Điều Lệ của Công Ty;

(nn) "**Cổ Phần**" có nghĩa là các Cổ Phần tạo thành vốn Điều Lệ của Công Ty, có mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ (Mười Nghìn Đồng Việt Nam), kèm theo các quyền và lợi ích như được quy định trong Điều Lệ và Pháp Luật Việt Nam;

(oo) "**Các Cổ Đông**" có nghĩa là những người sở hữu Cổ Phần của Công Ty, tại từng thời điểm;

(pp) "**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**" có nghĩa là sổ đăng ký chính thức Các Cổ Đông của Công Ty;

(qq) "**Công Ty Con**" có nghĩa là bất kỳ công ty nào mà một công ty khác ("công ty mẹ" của nó) trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua một hay nhiều công ty con;

(i) nắm giữ đa số quyền biểu quyết trong công ty đó;

(ii) là một thành viên hay cổ đông của công ty con và có quyền chỉ định hay sa thải đa số thành viên của Hội Đồng Quản Trị hay bộ phận quản lý tương đương;

(iii) là một thành viên hay cổ đông của công ty con và một mình kiểm soát đa số quyền biểu quyết trong công ty con, theo thỏa thuận với các cổ đông hay thành viên khác; hoặc

(iv) có quyền chi phối công ty con, chẳng hạn như có quyền đưa ra những chỉ đạo liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty, mà các Thành Viên Hội Đồng của công ty buộc phải tuân thủ;

(ss) "**Đô la Mỹ**" hoặc "**USD**" có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ;

(tt) "**VAS**" có nghĩa là Hệ thống Kế toán Việt Nam;

(uu) "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

(vv) "**Đồng Việt Nam**" hoặc "**VNĐ**" có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;

(xx) "**HMC**" có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ, một công ty được thành lập tại Việt Nam có số đăng ký kinh doanh số 0305095052 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ trụ sở chính đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Ngân hàng Hàng Hải, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Các nguyên tắc diễn giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.1 được áp dụng như nhau ở cả số ít và số nhiều;

(b) Các tiêu đề chỉ mang ý nghĩa thuận lợi cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nghĩa của các điều khoản, các phần hoặc các đoạn trong Điều Lệ này;

(c) Những cụm từ "của Điều Lệ này", "trong Điều Lệ này" "gắn với Điều Lệ này"và "dưới đây" và những cụm từ có ý nghĩa tương tự, được sử dụng trong Điều Lệ này sẽ mang tính chất tham chiếu tới toàn bộ Điều Lệ này mà không phải là đến bất kỳ các quy định cụ thể nào trong Điều Lệ;

(d) Việc dẫn chiếu đến bất kỳ tài liệu, văn bản, hoặc thoả thuận nào, sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục, tài liệu kèm theo, và các tài liệu đính kèm khác của nó, (ii) bao gồm tất cả các tài liệu, văn bản, hoặc hợp đồng được ban hành và ký kết để thay thế cho những tài liệu, các văn bản, hoặc thoả thuận nêu trên, và (iii) có nghĩa là các tài liệu, văn bản hoặc hợp đồng, hoặc các tài liệu, văn bản hoặc hợp đồng thay thế của nó, được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung, tại từng thời điểm phù hợp với các điều khoản kèm theo và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm xác định nào; và

(e) Việc dẫn chiếu đến bất kỳ bộ luật, luật, nghị định, quyết định, hoặc quy chế cụ thể nào dưới đây ngoại trừ việc dẫn chiếu chung đến Pháp Luật Việt Nam như được định

nghĩa, sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến các văn bản đó bao gồm cả các văn bản sửa đổi tại từng thời điểm.

Chương II

HÌNH THỨC, TÊN GỌI, TRỤ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Hình thức của Công Ty

Hình thức công ty là công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

Điều 3. Tên của Công Ty

3.1 Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ ĐỒNG NAI

3.2 Tên Công Ty viết bằng tiếng Anh: DONG NAI INTERNATIONAL HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY

Điều 4. Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công Ty Con và Bên Liên Kết của Công Ty

4.1 Tại thời điểm ký Điều Lệ này, trụ sở chính của Công Ty đặt tại số Tầng 9, số 1048A, đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

4.2 Chi nhánh Công ty: Bệnh Viện Quốc Tế Đồng Nai – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai, địa chỉ đặt tại: 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.3 Công Ty có quyền thành lập các Công Ty Con, Bên Liên Kết, và mở các chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc hoặc các hiện diện hợp pháp của mình, trên lãnh thổ Việt Nam hoặc bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, tại từng thời điểm, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty

5.1 Tại thời điểm ký Điều Lệ này, các ngành nghề kinh doanh của Công Ty gồm có:

STT	Tên ngành
1	Xây dựng nhà các loại
2	Lắp đặt hệ thống điện (dưới 35 KVA)
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4	Xây dựng công trình công ích
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
6	Phá dỡ
7	Chuẩn bị mặt bằng
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
10	Hoàn thiện công trình xây dựng

11	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
12	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
13	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
15	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh
16	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện
17	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
18	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt
19	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng)
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ xây dựng hoặc đi thuê Chi tiết: cho thuê mặt bằng

5.2 Trong giới hạn cao nhất mà Pháp Luật Việt Nam cho phép, và căn cứ vào hình thực tế, Công Ty có thể thay đổi ngành nghề hoạt động và kinh doanh như đã nêu tại Điều 5.1 trên.

5.3 Công Ty thực hiện ngành nghề hoạt động và kinh doanh của mình theo quy định của Pháp Luật Việt Nam, và Điều Lệ này để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất cho Các Cổ Đông của Công Ty.

Điều 6. Thời hạn hoạt động của Công Ty

6.1 Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn, kể từ ngày được Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.

6.2 Công Ty có thể chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông phù hợp với Điều Lệ này và/hoặc theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

7.1 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Tại thời điểm ký Điều Lệ này, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty với quyền lợi và nghĩa vụ được quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.

7.2 Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

7.3 Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Điều 7.2 ở trên mà người đại diện chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

7.4 Tùy theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật.

Chương III
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 8. Vốn Điều Lệ Của Công Ty

8.1 Tại thời điểm ký Điều Lệ này, Vốn Điều Lệ của Công Ty là 120.000.00.000 VNĐ (Một Trăm Hai Mươi Tỷ Đồng Việt Nam), bằng tiền mặt.

8.2 Vốn Điều Lệ được chia thành 12.000.000 (Mười Hai Triệu) Cổ Phần Phổ Thông.

8.3 Mệnh giá mỗi Cổ Phần là 10.000 VNĐ (Mười Nghìn Đồng Việt Nam).

8.4 Vốn Điều Lệ được Các Cổ Đông hiện hữu của Công Ty đã được đóng góp đầy đủ, bằng tiền mặt, bằng đồng Việt Nam, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

Điều 9. Tăng và giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty

9.1 Việc tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty sẽ tùy thuộc vào nhu cầu kinh doanh của Công Ty và theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, tùy từng thời điểm, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

9.2 Việc giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty sẽ tùy thuộc vào quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, tùy từng thời điểm, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam, với điều kiện đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Công Ty.

Điều 10. Cổ Đông Sáng Lập của Công Ty

Danh sách Cổ Đông Sáng Lập của Công ty được liệt kê trong Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này.

Điều 11. Các loại Cổ phần

11.1 Cổ Phần của Công Ty gồm có các loại sau đây:

(a) Cổ Phần Phổ Thông: người sở hữu Cổ Phần Phổ Thông là Cổ Đông Phổ Thông.

(b) Cổ phần Ưu Đãi: người sở hữu Cổ Phần ưu đãi gọi là Cổ Đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

(i) Cổ Phần ưu đãi biểu quyết;

(ii) Cổ Phần ưu đãi cổ tức;

(iii) Cổ Phần ưu đãi hoàn lại; và

(iv) Cổ Phần ưu đãi khác, theo quyết định của Công Ty, phù hợp với Pháp Luật Việt Nam.

(c) Các Cổ Phần hiện đang được các Cổ Đông nắm giữ đều là Cổ Phần Phổ Thông.

(d) Công Ty có thể phát hành thêm Cổ Phần Phổ Thông hoặc bất kỳ loại Cổ Phần ưu đãi nào, theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, tùy từng thời điểm, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

11.2 Người được quyền mua Cổ Phần ưu đãi cổ tức, Cổ Phần ưu đãi hoàn lại và Cổ Phần ưu đãi khác, nếu áp dụng, tùy từng thời điểm, sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, tùy từng thời điểm, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

11.3 Mỗi Cổ Phần của cùng một loại Cổ Phần đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích như nhau..

11.4 Cổ Phần Phổ Thông không thể chuyển đổi thành Cổ Phần ưu đãi. Cổ Phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ Phần phổ thông theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, tùy từng thời điểm, phù hợp với Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

Điều 12. Cổ Phiếu

12.1 Cổ Phiếu sẽ do Công Ty phát hành hoặc sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, trong đó ghi nhận quyền sở hữu của Các Cổ Đông đối với một (01) hoặc nhiều Cổ Phần. Cổ Phiếu có hai (02) loại là Cổ Phiếu không ghi tên và Cổ Phiếu ghi tên. Một Cổ Phiếu phải có các thông tin sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

(b) Số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh của Công Ty;

(c) Số lượng Cổ Phần và loại Cổ Phần;

(d) Mệnh giá mỗi Cổ Phần và tổng mệnh giá số Cổ Phần ghi trên Cổ Phiếu;

(e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông là tổ chức (đối với Cổ Phiếu có ghi tên);

(f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần;

(g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty;

(h) Số đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty và ngày phát hành Cổ Phiếu;

(i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh Nghiệp đối với Cổ Phiếu của Cổ Phần ưu đãi.

12.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức của Cổ Phiếu do Công Ty phát hành, thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó sẽ không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công Ty.

12.3 Trường hợp Cổ Phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công Ty cấp lại Cổ Phiếu mới ghi nhận cùng số lượng Cổ Phần theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

(a) Cổ Phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã nỗ lực cao nhất tìm kiếm và nếu tìm lại được sẽ hoàn trả Công Ty để tiêu huỷ; và

(b) Cổ Đông chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ Phiếu mới.

Đối với Cổ Phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười (10) triệu Đồng Việt Nam, trước khi chấp nhận đề nghị cấp Cổ Phiếu mới, người đại diện theo pháp luật có thể yêu cầu người nắm giữ Cổ Phiếu đăng thông báo về việc

Cổ Phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và đề nghị Công Ty cấp Cổ Phiếu mới trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng thông báo đó.

Điều 13. Sổ Đăng Ký Cổ Đông

13.1 Công Ty phải lập, lưu giữ và cập nhật Sổ Đăng Ký Cổ Đông từ khi được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp lần thứ nhất của Công Ty. Sổ Đăng Ký Cổ Đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

13.2 Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

(b) Tổng số Cổ Phần được quyền chào bán, loại Cổ Phần được quyền chào bán và số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại;

(c) Tổng số Cổ Phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ Phần đã góp;

(d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với Cổ Đông là cá nhân); tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh (đối với Cổ Đông là tổ chức); và

(e) Số lượng Cổ Phần từng loại của mỗi Cổ Đông và ngày đăng ký Cổ Phần.

13.3 Sổ Đăng Ký Cổ Đông phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, nếu Pháp Luật Việt Nam có yêu cầu như vậy. Các Cổ Đông của Công Ty có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc tại Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, tùy từng trường hợp cụ thể.

13.4 Trường hợp Cổ Đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công Ty để cập nhật vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ Đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ Đông.

Điều 14. Quyền của Cổ Đông Phổ Thông

14.1 Cổ Đông Phổ Thông có các quyền sau đây:

(a) Tham dự và phát biểu trong tất cả các cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi Cổ Phần Phổ Thông có một phiếu biểu quyết;

(b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(c) Được tự do chuyển nhượng Cổ Phần của mình cho người khác, trừ trường hợp như quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh Nghiệp;

(d) Ưu tiên mua Cổ Phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần Phổ Thông của từng Cổ Đông trong Công Ty;

(e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

(f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, sổ biên bản cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(g) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần Phổ Thông trong Công Ty, sau khi Công Ty đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ tài chính; và

(h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

14.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng, sẽ có các quyền sau đây:

(a) Đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;

(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Quản Trị, Các Báo Cáo Tài Chính (bao gồm báo cáo quý, giữa năm và hằng năm) của Công Ty, và các báo cáo của Ban Kiểm Soát;

(c) Yêu cầu triệu tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Điều 14.3 dưới đây;

(d) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, có đầy đủ họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

(e) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

14.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng, có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

(a) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(b) Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội Đồng Quản Trị mới chưa được bầu thay thế; và

(c) Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

Yêu cầu triệu tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải có:

(a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với Cổ Đông là cá nhân); tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp (đối với Cổ Đông là tổ chức);

(b) Số Cổ Phần và thời điểm đăng ký Cổ Phần của từng Cổ Đông, tổng số Cổ Phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ Phần của Công Ty;

(c) Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và

(d) Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị về quyết định vượt quá thẩm quyền.

14.4 Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát quy định tại điểm Điều 14.2(a) trên đây được thực hiện như sau:

(a) Các Cổ Đông Phổ Thông tự nguyện tập hợp thành nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng

phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

(b) Căn cứ vào số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được quyền đề cử ít nhất một (01) hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng, đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và các Cổ Đông khác (tùy từng trường hợp cụ thể) đề cử.

Điều 15. Nghĩa vụ của Cổ Đông Phổ Thông

15.1 Thanh toán đủ số Cổ Phần cam kết mua, đối với Cổ Đông sáng lập, trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, và đối với các Cổ Đông khác, trong thời hạn như đã thỏa thuận giữa Công Ty và Các Cổ Đông;

15.2 Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào hoặc tổng mệnh giá Cổ Phần nắm giữ trong Công Ty;

15.3 Không được rút vốn Cổ Phần đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại Điều 15.2 này thì Thành Viên Hội Đồng và người đại diện theo pháp luật của Công Ty, người phê duyệt hoặc quyết định về việc rút vốn Cổ Phần đó, phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị vốn đã bị rút.

15.4 Tuân thủ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, và Hội Đồng Quản Trị;

15.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam;

15.6 Cổ Đông Phổ Thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi Cổ Đông đó nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(a) Vi phạm Pháp Luật Việt Nam;

(b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi cho Cổ Đông hoặc phục vụ lợi ích của (các) tổ chức và/hoặc (các) cá nhân khác; và

(c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

Điều 16. Chuyển Nhượng Cổ Phần

16.1 Cổ Phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

16.2 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

16.3 Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó là cổ đông của công ty.

16.4 Trường hợp cổ phần của Cổ Đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

16.5 Cổ Đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

16.6 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

16.7 Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành Cổ Đông Công Ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Điều 13.2 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 17. Chào Bán Cổ Phần

17.1 Chào bán cổ phần là việc Công Ty tăng thêm số lượng Cổ Phần được quyền chào bán và bán các Cổ Phần đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn Điều Lệ;

17.2 Chào Bán Cổ Phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

(a) Chào bán cho các Cổ Đông Hiện Hữu;

(b) Chào bán ra công chúng;

(c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

17.3 Chào Bán Cổ Phần ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán

17.4 Công Ty thực hiện đăng ký thay đổi Vốn Điều Lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán Cổ Phần

Điều 18. Chào Bán Cổ Phần Riêng Lẻ

18.1 Trong thời hạn 05 Ngày Làm Việc, kể từ ngày ra quyết định Chào Bán Cổ Phần Riêng Lẻ, Công Ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh. Kèm theo thông báo Chào Bán Cổ Phần Riêng Lẻ phải có các tài liệu sau đây:

(a) Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về Chào Bán Cổ Phần Riêng Lẻ;

(b) Phương án Chào Bán Cổ Phần Riêng Lẻ đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua (nếu có);

18.2 Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Tổng số Cổ Phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;

(c) Thời điểm, hình thức chào bán Cổ Phần;

(d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty;

18.3 Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 Ngày Làm Việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh.

18.4 Công Ty thực hiện đăng ký thay đổi Vốn Điều Lệ với Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 19. Chào bán cổ phần cho Cổ Đông hiện hữu

19.1 Chào Bán Cổ Phần Cho Cổ Đông Hiện Hữu là trường hợp Công Ty tăng thêm số lượng Cổ Phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số Cổ Phần đó cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ Cổ Phần hiện có của họ tại Công Ty;

19.2 Chào Bán Cổ Phần Cho Cổ Đông Hiện Hữu của Công Ty được thực hiện như sau:

(a) Công Ty phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ Đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua Cổ Phần;

(b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức; số Cổ Phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ Đông tại Công Ty; tổng số Cổ Phần dự kiến chào bán và số Cổ Phần Cổ Đông được quyền mua; giá chào bán Cổ Phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công Ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua Cổ Phần không được gửi về Công Ty đúng hạn như thông báo thì Cổ Đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

(c) Cổ Đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

19.3 Trường hợp số lượng Cổ Phần dự kiến chào bán không được Cổ Đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số Cổ Phần được quyền chào bán còn lại đó cho Cổ Đông của Công Ty hoặc người khác theo quy định của Công ty tại từng thời điểm và theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch chứng khoán

19.4 Cổ Phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh Nghiệp này được ghi đầy đủ vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông; kể từ thời điểm đó, người mua Cổ Phần trở thành Cổ Đông của Công Ty;

19.5 Sau khi Cổ Phần được thanh toán đầy đủ, Công Ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công Ty có thể bán Cổ Phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về Cổ Đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh Nghiệp được ghi vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông để chứng thực quyền sở hữu Cổ Phần của Cổ Đông đó trong Công Ty.

Điều 20. Bán cổ phần

Hội Đồng Quản Trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ Phần. Giá bán Cổ Phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ Phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

(a) Cổ Phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ Đông Sáng Lập;

(b) Cổ Phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

(c) Cổ Phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông, trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty quy định khác;

(d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều Lệ Công Ty quy định.

Điều 21. Phát Hành Trái Phiếu

21.1 Công Ty sẽ được quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp Luật Việt Nam. Chứng chỉ trái phiếu sẽ do Công Ty phát hành hay được ghi nhận trong sổ đăng ký Trái Chủ, như là bằng chứng cho việc sở hữu của Trái Chủ đối với một (01) hay nhiều trái phiếu. Có hai (02) loại Chứng chỉ trái phiếu: Chứng chỉ trái phiếu có ghi tên hay chứng chỉ trái phiếu không ghi tên. Một chứng chỉ trái phiếu phải bao hàm các nội dung do Pháp Luật Việt Nam yêu cầu.

21.2 Công Ty không chấp nhận phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau, nếu không có các quy định khác trong pháp luật về chứng khoán:

(a) Công Ty không thể thanh toán toàn bộ khoản tiền hoàn trả cho khoản vốn và tiền lời của trái phiếu phát hành hay chưa thanh toán hay thanh toán không đầy đủ các khoản nợ đến hạn trong vòng ba (03) năm liên tục trước đó;

(b) Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trung bình của ba (03) năm liên tục trước đó không cao hơn tỷ lệ lợi nhuận dự kiến được áp dụng cho các trái phiếu đã phát hành;

21.3 Hội Đồng Quản Trị sẽ có quyền đề xuất loại tái phiếu, tổng giá trị các trái phiếu và thời điểm phát hành, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông để được chấp thuận. Báo cáo phải được đính kèm các tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị về việc phát hành trái phiếu.

21.4 Khi bất kỳ trái phiếu nào bị mất, bị lấy cắp, bị hư hỏng, bị xóa hay bị hủy, thì vẫn có thể được cấp chứng chỉ thay thế tại trụ sở đăng ký của Công Ty cho đến khi việc thanh toán của người yêu cầu về khoản phát sinh (nếu có) liên quan đến chứng chỉ thay thế và theo các điều khoản đó chứng minh và bồi thường như Công Ty yêu cầu hợp lý. Chứng chỉ trái phiếu bị hư hỏng hay bị xóa phải bị bỏ đi trước khi chứng chỉ thay thế được phát hành.

Điều 22. Mục đích của Cổ Phần và trái phiếu

22.1 Việc thanh toán cho bất kỳ việc mua Cổ Phần hay trái phiếu (bao gồm cả trái phiếu chuyển đổi) của Công Ty có thể được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị của sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, hay các tài sản khác, và sẽ được thanh toán đầy đủ một lần, nếu không có các thỏa thuận khác được thỏa thuận giữa Công Ty và các bên khác, được thỏa thuận trong Điều Lệ này, và theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

Điều 23. Mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông

23.1 Căn cứ theo trường hợp quy định tại Điều 24.3 dưới đây, một Cổ Đông biểu quyết chống lại việc tổ chức lại Công Ty hay chống lại việc thay đổi các quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông được quy định trong Điều Lệ này có thể yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được chuyển cho Công Ty trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về vấn đề được đề cập trong Điều này, và yêu cầu đó phải được lập thành văn bản và ghi cụ thể:

(a) Tên và địa chỉ của Cổ Đông;

(b) Số Cổ Phần của từng loại;

(c) Giá dự định bán; và

(d) Lý do yêu cầu việc Công Ty mua lại.

23.2 Công Ty phải mua lại Cổ Phần từ Cổ Đông theo yêu cầu như được quy định tại Điều 23.1 trên đây, với giá thị trường, trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Khi không đạt được một thỏa thuận về giá, Cổ Đông có thể bán Cổ Phần cho một bên thứ ba hay Công Ty, và Cổ Đông có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp để xác định giá bán. Cho mục đích này, Công Ty sẽ giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp cho Cổ Đông quyết định và quyết định đó là quyết định sau cùng.

Điều 24. Mua lại Cổ Phần theo Quyết Định Của Công Ty

Công Ty có thể mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số Cổ Phần Phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức đã bántheo các quy định sau:

24.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định việc mua lại không quá mười phần trăm (10%) trên tổng số Cổ Phần từng loại đã được bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong các trường hợp khác ((10% hay hơn nữa), việc mua lại Cổ Phần sẽ được quyết định bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông;

24.2 Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định về giá mua lại Cổ Phần. Giá mua lại Cổ Phần Phổ Thông sẽ không cao hơn giá thị trường vào thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.3 dưới đây. Liên quan đến Cổ Phần thuộc các loại khác, nếu không có thỏa thuận khác giữa Công Ty và Cổ Đông liên quan, giá mua lại sẽ không thấp hơn giá thị trường;

24.3 Công Ty có thể mua lại Cổ Phần của từng Cổ Đông theo tỷ lệ sổ Cổ Phần mà mỗi Cổ Đông nắm giữ trong Công Ty. Trong trường hợp này, quyết định bằng văn bản về việc mua lại Cổ Phần của Công Ty sẽ được thông báo bằng phương pháp bảo đảm cho tất cả Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định được ban hành. Thông báo bằng văn bản nói trên phải bao gồm:

(a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

(b) Tổng số Cổ Phần và loại Cổ Phần được mua lại;

(c) Giá mua lại hay nguyên tắc xác định giá mua lại;

(d) Phương pháp và thời hạn cho việc thanh toán; và

(e) Các thủ tục và thời hạn cho Cổ Đông chào bán Cổ Phần của mình cho Công Ty.

Cổ Đông đồng ý bán lại Cổ Phần phải gửi chào bán Cổ Phần của mình bằng văn bản và bằng phương thức bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Thông báo phải có các nội dung sau:

(a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (của Cổ Đông là cá nhân); tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh (của Cổ Đông là tổ chức);

(b) Số Cổ Phần sở hữu và số Cổ Phần chào bán;

(c) Phương thức và thời hạn thanh toán; và

(d) Chữ ký của Cổ Đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.

Công Ty chỉ mua lại Cổ Phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ Phần và trái phiếu được mua lại

25.1 Các Điều kiện thanh toán và giải quyết Cổ Phần được mua lại

(a) Công Ty có thể thanh toán cho Cổ Đông về Cổ Phần được mua lại theo Điều 23 và 24 trên đây nếu sau đó Cổ Phần được mua lại này được thanh toán đầy đủ, Công Ty sẽ vẫn có thể đáp ứng được các khoản nợ của mình và các nghĩa vụ tài sản khác.

(b) Tất cả các Cổ Phần được mua lại theo Điều 23 và 24 trên đây sẽ được coi là Cổ Phần thu về và thuộc số Cổ Phần được quyền chào bán.

(c) Cổ Phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và người

đại diện theo pháp luật của Công Ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Cổ Phiếu gây ra cho Công Ty.

(d) Sau khi thanh toán hết số Cổ Phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ Phần mua lại.

25.2 Điều kiện thanh toán và xử lý trái phiếu được mua lại

(a) Công Ty chỉ có thể thanh toán cho trái chủ có trái phiếu được mua lại (bao gồm cả trái phiếu chuyển đổi) phù hợp với thỏa thuận mua trái phiếu giữa Công Ty và các trái chủ, Điều Lệ này, và Pháp Luật Việt Nam.

(b) Các Chứng Chỉ Trái Phiếu ghi nhận quyền sở hữu của các trái phiếu được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi các trái phiếu tương ứng được thanh toán hết. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng chỉ trái phiếu gây ra đối với Công Ty.

(c) Sau khi thanh toán đầy đủ các trái phiếu được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số trái phiếu mua lại.

Điều 26. Trả cổ tức

26.1 Cổ tức trả cho Cổ Phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ Phần ưu đãi.

26.2 Cổ tức trả cho Cổ Phần Phổ Thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của Cổ Phần Phổ Thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

(a) Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

(b) Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;

(c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ Phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của Cổ Đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công Ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Nếu Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ Đông thì Công Ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

26.3 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Hội Đồng Quản Trị lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về

trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến Cổ Đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

(a) Tên Công Ty và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

(b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

(c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức;

(d) Số lượng cổ phần từng loại của Cổ Đông; mức cổ tức đối với từng Cổ Phần và tổng số cổ tức mà Cổ Đông đó được nhận;

(e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty.

26.4 Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng Cổ Phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ Đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.

26.5 Trong trường hợp một Cổ Đông khước từ quyền nhận cổ tức của mình, thì cổ tức chưa được chia đó sẽ được Công Ty giữ lại.

Điều 27. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần, trái phiếu mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán Cổ Phần hoặc trái phiếu mua lại trái với quy định tại Điều 25.1 và 25.2 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 26 trên đây thì các Cổ Đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ Đông không hoàn trả được cho Công Ty thì Cổ Đông đó và tất cả Thành Viên Hội Đồng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ Đông mà chưa được hoàn lại.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

PHẦN I

CƠ CẤU QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công Ty

Cơ cấu quản lý của Công Ty gồm có:

(a) Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(b) Hội Đồng Quản Trị;

(c) Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành); và

(d) Ban Kiểm Soát.

PHẦN II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 29. Đại Hội Đồng Cổ Đông

29.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

29.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau:

(a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

(b) Quyết định loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần phát hành của từng loại; quyết định mức chia cổ tức hằng năm của từng Cổ Phần;

(c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;

(d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Công Ty;

(e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm Cổ Phần mới trong phạm vi số lượng Cổ Phần mà Công Ty được quyền chào bán như quy định tại Điều Lệ này;

(f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

(g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần đã phát hành của mỗi loại;

(h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát mà gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông của Công Ty;

(i) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể của Công Ty; và

(j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

Điều 30. Thẩm quyền triệu tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

30.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một (01) lần. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

30.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

(a) Báo cáo tài chính hằng năm;

(b) Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về việc đánh giá thực trạng và công tác quản lý kinh doanh của Công Ty;

(c) Báo cáo của Ban Kiểm Soát về việc quản lý của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành);

(d) Mức chia cổ tức của từng loại Cổ Phần;

(e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông; theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

30.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

(a) Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

(b) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định trong Điều Lệ này và theo Pháp Luật Việt Nam;

(c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong một thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục;

(d) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông hoặc nghĩa vụ của người quản lý hay ban hành một quyết định nằm ngoài phạm vi thẩm quyền được phép của Hội Đồng Quản Trị;

(e) Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị đã kết thúc quá sáu tháng và một Hội Đồng Quản Trị mới chưa được bầu thay thế;

(f) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

(g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

30.4 Trừ khi Điều Lệ có quy định khác, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam như quy định tại Điều 30.3 (b) bên trên, hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu triệu tập họp như quy định tại Điều 30.3(c) và 30.3 (f) bên trên.

Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông như quy định tại khoản này thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên của Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công Ty.

30.5 Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 30.4 ở trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông như quy định thì Ban Kiểm Soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công Ty.

30.6 Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 30.5 ở trên thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trong một thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục, sẽ có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh tham dự và giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

30.7 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy tại các Điều 30.4, 30.5 và 30.6 ở trên sẽ được Công Ty hoàn lại.

Điều 31. Danh sách Cổ Đông có quyền dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

31.1 Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

31.2 Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có:

(a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với Cổ Đông là cá nhân); tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh (đối với Cổ Đông là tổ chức); và

(b) Số lượng Cổ Phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ Đông.

31.3 Cổ Đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 32. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

32.1 Người triệu tập họp phải:

(a) lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 31 ở trên;

(b) cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

(c) chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp;

(d) xác định thời gian, địa điểm họp; và

(e) gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

32.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tiếp, có quyền kiến nghị các nội dung đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải lập thành văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của (các) Cổ Đông, số lượng từng loại Cổ Phần của Cổ Đông, số và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

32.3 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 32.2 trên đây nếu có một trong các trường hợp sau đây:

(a) Kiến nghị được gửi đến không kịp thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

(b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc

(c) Trường hợp khác theo quy định trong Điều Lệ này.

32.4 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 32.2 bên trên vào cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 32.3 trên đây; kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 33. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

33.1 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ Đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Thông báo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng Cổ Đông.

Thông báo mời họp bằng văn bản phải có những nội dung sau:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

(b) Số, ngày, và nơi cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh của Công Ty;

(c) Tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông; và

(d) Thời gian và địa điểm họp.

33.2 Kèm theo thông báo mời họp phải có:

(a) Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp của Cổ Đông;

(b) Chương trình họp;

(c) Phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định; và

(d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

33.3 Nếu Công Ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo mời họp cho từng Cổ Đông.

Điều 34. Quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

34.1 Cổ Đông là cá nhân hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp Cổ Đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Điều 15.4 của Luật Doanh Nghiệp thì uỷ quyền người khác dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

34.2 Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu quy định của Công Ty và phải có chữ ký theo các quy định sau đây:

(a) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người uỷ quyền thì ủy quyền phải có chữ ký của cả Cổ Đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

(b) Trường hợp đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông là tổ chức là bên uỷ quyền thì ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được uỷ quyền dự họp;

(c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

34.3 Trừ trường hợp quy định tại Điều 34.4 dưới đây, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong một trong số các trường hợp sau đây:

(a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

(b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

34.4 Quy định tại Điều 34.2 trên đây không áp dụng nếu Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Điều 34.3 chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

34.5 Trường hợp Cổ Phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ Đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ Phần đã chuyển nhượng.

34.6 Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 35. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

35.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết.

35.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 35.1 ở trên thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết.

35.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 35.2 ở trên thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành mà không phụ thuộc vào số Cổ Đông dự họp và tỷ lệ Cổ Phần biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.

35.4 Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32 nói trên.

Điều 36. Thể thức tiến hành họp vào biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông

36.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đủ số Cổ Đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

36.2 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau:

(a) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa tất cả các cuộc họp do Hội Đồng Quản Trị triệu tập; trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

(b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

(c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(d) Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

36.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ chi tiết thời gian áp dụng đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

36.4 Chủ tọa và thư ký Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

36.5 Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp hoặc trong vòng ba (03) ngày làm việc kết quả kiểm phiếu sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có);

36.6 Cổ Đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

36.7 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền sau:

(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp;

(c) Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

36.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

(b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

36.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 36.8 trên đây, thì Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 37. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

37.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

37.2 Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua khi có đủ các điều kiện sau đây:

(a) Được số Cổ Đông đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp chấp thuận trừ các trường hợp được quy định tại Điều 37.2. (b) và Điều 37.2. (c) dưới đây;

(b) Đối với quyết định về loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi hoặc bổ sung Điều Lệ Công Ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Công Ty, cấu trúc lại, hoặc giải thể Công Ty; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty thì phải được số Cổ Đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp chấp thuận.

(c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát, và mỗi Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

37.3 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với số Cổ Đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện cho một trăm phần trăm (100%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực tức thì ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

37.4 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

37.5 Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

38.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

38.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ Đông.

38.3 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (của Cổ Đông là cá nhân); tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc đại diện theo uỷ quyền (đối với Cổ Đông là tổ chức); số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và

(g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

38.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức.

(a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định trong phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

38.5 Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;

(b) Mục đích của việc lấy ý kiến bằng văn bản và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

(c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề đưa ra biểu quyết;

(e) Các nghị quyết đã được thông qua; và

(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, người đại diện theo pháp luật của Công Ty và của người giám sát việc kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, và liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

38.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

38.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

38.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 39. Biên Bản Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

39.1 Tất cả các vấn đề được thảo luận trong các cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công Ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng cả tiếng Anh, và phải có các nội dung chính sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;

(b) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

(d) Chủ tọa và thư ký;

(e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

(f) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông và đại diện Cổ Đông dự họp với số Cổ Phần và số phiếu bầu tương ứng;

(g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ phần trăm tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;

(h) Các quyết định đã được thông qua; và

(i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

39.2 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

39.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

40.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông, có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

(a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 148.2 Luật Doanh Nghiệp; hoặc

(b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Luật Doanh Nghiệp hoặc Điều Lệ này.

PHẦN I

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Hội Đồng Quản Trị

41.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty và có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định các vấn đề, thực hiện những quyền và nghĩa vụ của Công Ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

41.2 Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm của Công Ty;

(b) Kiến nghị loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại;

(c) Quyết định chào bán Cổ Phần mới trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

(d) Quyết định giá chào bán Cổ Phần và trái phiếu của Công Ty;

(e) Quyết định mua lại Cổ Phần không quá mười phần trăm (10%) của tổng số Cổ Phần của từng loại đã bán trong thời gian mười hai (12) tháng của Công Ty;

(f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

(g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

(h) Thông qua các phương án mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng và các giao dịch quy định tại Điều 162.1 và 162.3 của Luật Doanh Nghiệp;

(i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý quan trọng khác (bao gồm Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành) và Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính); quyết định mức thù lao và các lợi ích khác cho các chức danh quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền sở hữu Cổ Phần hoặc vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác cho những người được ủy quyền đó;

(j) Giám sát và chỉ đạo Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

(k) Quyết định cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Các Công Ty Con, thành lập các chi nhánh và các văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua Cổ Phần của các doanh nghiệp khác;

(l) Phê duyệt chương trình, nội dung và các tài liệu cho cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;

(m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(n) Kiến nghị tỷ lệ trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

(o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty; và

(p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

41.3 Hội Đồng Quản Trị sẽ thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi Thành Viên Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết. Trong mọi trường hợp, quyết định của Hội Đồng Quản Trị sẽ được xác lập khi có đa số Thành Viên Hội Đồng (trên năm mươi phần trăm (50%)) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền tại buổi họp.

41.4 Khi thực hiện các chức năng và nhiệm vụ, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của Pháp Luật Việt Nam, Điều Lệ này và các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong trường hợp quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của Pháp Luật Việt Nam hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó sẽ phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; các thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên sẽ được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Các Cổ Đông sở hữu Cổ Phần của Công Ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 42. Nhiệm Kỳ và Số Lượng Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

42.1 Số lượng Thành Viên Hội Đồng Hội Đồng sẽ có ít nhất ba (03) thành viên nhưng không quá tám (08) thành viên.

42.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị sẽ là năm (05) năm nếu không được quy định khác đi tại nghị quyết ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị sẽ không vượt quá năm (05) năm. Hội Đồng Quản Trị sẽ được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

42.3 Hội Đồng Quản Trị có nhiệm kỳ vừa kết thúc, sẽ tiếp tục công việc cho tới khi Hội Đồng Quản Trị mới được bổ nhiệm và tiếp quản công việc.

42.4 Trong trường hợp Thành Viên Hội Đồng được bầu bổ sung hoặc Thành Viên Hội Đồng mới được bầu để thay thế Thành Viên Hội Đồng bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Thành Viên Hội Đồng mới đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

42.5 Năng lực của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị dự kiến

(a) Nếu một Cổ Đông chỉ định một người làm Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông đó sẽ:

(i) thực hiện những thủ tục hợp lý để đảm bảo rằng người được Cổ Đông đó chỉ định có khả năng thực hiện thành thạo những trách nhiệm của người đó; và

(ii) ít nhất 10 Ngày Làm Việc trước ngày dự tính bổ nhiệm, (trong thời hạn hợp lý được áp dụng thực tế) thông báo cho Các Cổ Đông khác tên, năng lực, kinh nghiệm và ngày dự tính bổ nhiệm người mà Cổ Đông đó dự định bổ nhiệm làm Thành Viên Hội Đồng Quản Trị.

(b) Không Cổ Đông nào có quyền phản đối việc bổ nhiệm Thành Viên Hội Đồng Quản Trị của bất kỳ Cổ Đông nào khác.

Điều 43. Các Tiêu Chuẩn và Điều Kiện Làm Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;

(b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

(c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 44. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

44.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc, nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông không chọn, Hội Đồng Quản Trị sẽ chọn Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị trong số các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị.

44.2 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ có các quyền và các nghĩa vụ sau đây:

(a) Xây dựng những chương trình và kế hoạch làm việc của Hội Đồng Quản Trị;

(b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

(c) Tổ chức việc thông qua các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

(e) Chủ toạ các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và

(f) Các quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

44.3 Khi Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt, một thành viên khác sẽ được uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không làm việc được thì Các Thành Viên Hội Đồng còn lại sẽ lựa chọn một (01) người trong số Các Thành Viên Hội Đồng còn lại tạm thời giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số quá bán (trên năm mươi phần trăm (50%).

44.4 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 45. Các Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị

45.1 Thường xuyên

Hội Đồng sẽ quyết định các cuộc họp Hội Đồng sẽ diễn ra như thế nào, với điều kiện là:

(a) cuộc họp Hội Đồng được tổ chức bốn lần một năm và không quá ba tháng trừ khi có ít nhất một Thành Viên Hội Đồng do một Cổ Đông chỉ định có ý kiến khác; và

(b) bất kỳ hai (02) Thành Viên Hội Đồng yêu cầu Chủ Tịch triệu tập họp Hội Đồng vào bất kỳ thời điểm nào.

45.2 Địa điểm và ngôn ngữ của cuộc họp và biên bản họp Hội Đồng

(a) Tất cả các cuộc họp Hội Đồng sẽ được tổ chức tại Việt Nam và sử dụng tiếng Anh trừ khi tất cả Các Thành Viên Hội Đồng có ý kiến khác. Việc chuẩn bị họp Hội Đồng qua điện thoại sẽ được thực hiện khi Các Thành Viên Hội Đồng quyết định họp qua điện thoại.

(b) Các biên bản họp của tất cả các cuộc họp Hội Đồng sẽ được ghi nhận bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

45.3 Thông báo/chương trình họp

(a) Thông báo bằng văn bản tiếng Anh ít nhất trước 10 Ngày Làm Việc bằng thư điện tử, chuyển phát, hoặc fax, sẽ được chuyển đến mỗi Thành Viên Hội Đồng trong tất cả các cuộc họp Hội Đồng, ngoại trừ trường hợp họp Hội Đồng bị hoãn theo Điều 45.4.

(b) Trong vòng ba Ngày Làm Việc từ ngày thông báo, bất kỳ Cổ Đông nào hoặc Thành Viên Hội Đồng nào có thể đề xuất một nội dung trong chương trình với một nghị quyết liên quan được đưa ra tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị đó.

(c) Ít nhất năm Ngày Làm Việc trước cuộc họp, chương trình họp cụ thể bằng tiếng Anh sẽ được gửi đến mỗi Thành Viên Hội Đồng bằng thư điện tử, chuyển phát, hoặc fax, kèm theo bất kỳ những tài liệu nào có liên quan (bằng tiếng Anh).

(d) Mỗi Cổ Đông sẽ nỗ lực để đảm bảo rằng Các Thành Viên Hội Đồng do Cổ Đông chỉ định có mặt tại mỗi cuộc họp Hội Đồng.

45.4 Số Thành Viên Hội Đồng Tối Thiểu Để Tiến Hành Họp Hội Đồng Quản Trị

(a) Tùy thuộc vào Điều 45.4(b), số Thành Viên Hội Đồng tối thiểu để tiến hành họp Hội Đồng là ba Thành Viên Hội Đồng vào bất kỳ thời điểm nào.

(b) Nếu số Thành Viên Hội Đồng tối thiểu để tiến hành họp Hội Đồng không có mặt trong một nửa thời gian được chỉ định họp hoặc nếu số Thành Viên Hội Đồng tối thiểu để tiến hành họp Hội Đồng không tham dự trong suốt cuộc họp, (các) Thành Viên Hội Đồng có mặt sẽ dời cuộc họp Hội Đồng đến địa điểm khác và không chậm hơn ba Ngày Làm

Việc sau ngày họp bị hoãn đó ("**Cuộc Họp Bị Hoãn**") mà số Thành Viên tối thiểu để tiến hành họp Hội Đồng sẽ được yêu cầu tương tự; và

(c) Thông báo của cuộc họp Hội Đồng bị hoãn sẽ được chuyển đến tất cả Các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị.

45.5 Biểu quyết

(a) Tùy thuộc vào các quy định khác của Điều Lệ này, tại bất kỳ cuộc họp Hội Đồng nào, mỗi Thành Viên Hội Đồng sẽ có một lá phiếu và các quyết định tại các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán của các lá phiếu.

(b) Một nghị quyết bằng văn bản được ký bởi tất cả các Thành Viên Hội Đồng có quyền biểu quyết cho nghị quyết đó sẽ có giá trị và hiệu lực như một nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội Đồng.

(c) Mỗi Cổ Đông sẽ yêu cầu Thành Viên Hội Đồng được Cổ Đông chỉ định nỗ lực thảo luận các vấn đề được Hội Đồng xem xét với thái độ cộng tác với Các Thành Viên Hội Đồng khác.

Điều 46. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

46.1 Tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng cả tiếng Anh và có các nội dung sau:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích, chương trình và nội dung cuộc họp;

(c) Thời gian và địa điểm cuộc họp;

(d) Họ và tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ và tên các thành viên không tham dự họp và lý do không dự họp;

(e) Các vấn đề được thảo luận và lấy phiếu biểu quyết trong cuộc họp;

(f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp trong suốt diễn biến cuộc họp;

(g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(h) Các vấn đề đã được thông qua;

(i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị ngang nhau. Nếu có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì nội dung bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

46.2 Chủ toạ và thư ký phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

46.3 Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các tài liệu được sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Thành Viên Hội Đồng

47.1 Bất kỳ Thành Viên Hội Đồng nào cũng có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào, yêu cầu Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành), Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành), Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài

Chính) và các chức danh quản lý khác của Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính và các hoạt động kinh doanh của Công Ty.

47.2 Bất kỳ chức danh quản lý nào khi nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 47.1 nêu trên, đều phải cung cấp nhanh chóng và chính xác tất cả các thông tin và tài liệu theo yêu cầu của Thành Viên Hội Đồng.

Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành Viên Hội Đồng

48.1 Một Thành Viên Hội Đồng bị bãi nhiệm và miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

(a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều Lệ này và Điều 151 của Luật Doanh Nghiệp;

(b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và có lý do hợp lý;

(c) Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi đến Công Ty; hoặc

(d) Các trường hợp khác do Điều Lệ quy định.

48.2 Một Thành Viên Hội Đồng thậm chí có thể bị bãi nhiệm khỏi vị trí thành viên của Hội Đồng tại bất kỳ thời điểm nào bằng thông báo bằng văn bản của Cổ Đông chỉ định Thành Viên Hội Đồng đó gửi đến Công Ty và trong trường hợp như vậy, Cổ Đông sẽ nhanh chóng bãi nhiệm Thành Viên Hội Đồng đó khỏi (các) vị trí của Thành Viên Hội Đồng bị bãi nhiệm và Cổ Đông chỉ định Thành Viên Hội Đồng bị bãi nhiệm đó sẽ nhanh chóng chỉ định Thành Viên Hội Đồng khác thay các vị trí của Thành Viên Hội Đồng bị bãi nhiệm phù hợp với Điều 39.1 của Điều Lệ này.

48.3 Để đảm bảo tuân thủ với Điều 42.1 của Điều Lệ này, và Điều này, mỗi Cổ Đông đồng ý biểu quyết theo Các Cổ Phần của Cổ Đông đó trong Công Ty theo cách thức mà sẽ đem đến kết quả là việc bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm người được chỉ định của các Cổ Đông khác vào Hội Đồng phù hợp với các Điều đó.

48.4 Nếu một Thành Viên Hội Đồng không còn đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều Lệ này để trở thành một thành viên của Hội Đồng, thì Cổ Đông chỉ định Thành Viên Hội Đồng đó sẽ ngay lập tức yêu cầu Thành Viên Hội Đồng đó từ chức và sẽ chỉ định một Thành Viên Hội Đồng mới phù hợp với Điều 42.1 của Điều Lệ này.

48.5 Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 48.1 nêu trên, một Thành Viên Hội Đồng có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

48.6 Trường hợp số Thành Viên Hội Đồng bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều Lệ này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung Các Thành Viên Hội Đồng.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp kế tiếp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải bầu Các Thành Viên Hội Đồng mới thay thế Thành Viên Hội Đồng cũ đã bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 49. Bế tắc

Trong trường hợp:

(a) Hội Đồng không thông qua một nghị quyết đã được trình lên Hội Đồng từ ba lần trở lên phù hợp theo Điều Lệ này dù với lý do chưa đủ phiếu biểu quyết cần thiết hoặc vì lý do hơn ba lần họp Hội Đồng liên tiếp bị hoãn vì không đủ số Thành Viên dự họp để có thể tiến hành cuộc họp; hoặc

(b) Các Cổ Đông không thông qua một nghị quyết đã được trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông từ ba lần trở lên phù hợp theo Điều Lệ này dù với lý do chưa đủ phiếu biểu quyết

cần thiết hoặc vì lý do hơn ba lần họp Đại Hội Đồng Cổ Đông liên tiếp bị hoãn vì không đủ số Cổ Đông dự họp để có thể tiến hành cuộc họp

khi đó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ giải quyết bế tắc với tinh thần thiện chí.

PHẦN IV

TỔNG GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH)

Điều 50. Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành)

50.1 HMC sẽ chỉ định Tổng Giám Đốc của Công Ty người mà sẽ thực hiện các thẩm quyền của Tổng Giám Đốc và thực thi các nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám Đốc phù hợp với các quy định của Điều Lệ này và theo Pháp Luật Việt Nam. Nếu Tổng Giám Đốc của bất kỳ Công Ty Thuộc Tập Đoàn nào không thể, vì bất kỳ lý do gì, hoặc không thực hiện các thẩm quyền hoặc không thực thi các nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc, hoặc nếu vị trí Tổng Giám Đốc bị bỏ trống, thì, Thành Viên Hội Đồng khác được HMC chỉ định sẽ thực hiện tất cả các quyền và thực thi tất cả các nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc của Công Ty.

50.2 Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) sẽ điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty, tuân thủ nghiêm ngặt Pháp Luật Việt Nam, Điều Lệ này, hợp đồng lao động và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, dưới sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị và chịu trách nhiệm pháp lý trước Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện các quyền được giao của Tổng Giám Đốc và thực thi các nhiệm vụ được giao của Tổng Giám Đốc.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) không quá năm (05) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) tuân theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh Nghiệp.

Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) của Công Ty được đồng thời làm giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

50.3 Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) có thẩm quyền và nhiệm vụ sau đây:

(a) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

(b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

(c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

(d) Kiến nghị về cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công Ty;

(e) Bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

(f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) cho các nhân viên trong Công Ty kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quyết định bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành);

(g) Tổ chức việc tuyển dụng lao động;

(h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong hoạt động kinh doanh, và kiến nghị kế hoạch ngân sách hàng năm cho Năm Tài Chính tiếp theo; và

(i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

50.4 Trường hợp nếu việc thực thi các nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc trái với quy định về nhiệm vụ đã nêu tại Điều 50.3 trên đây và gây thiệt hại cho Công Ty, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật Việt Nam và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

50.5 Hỗ trợ Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành) trong công việc quản lý Công Ty hàng ngày là Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành), Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính) và các chức danh quản lý khác của Công Ty.

PHẦN V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ban Kiểm Soát

51.1 Ban Kiểm Soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, tùy theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, tại từng thời điểm. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá năm (05) năm. Các thành viên của Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

51.2 Các thành viên Ban Kiểm Soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng Ban Kiểm Soát. Thẩm quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều Lệ này và theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, tại từng thời điểm. Trưởng Ban Kiểm Soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

51.3 Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm Soát đã mãn nhiệm sẽ tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát cho đến khi Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 52. Các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát

52.1 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Ban Kiểm Soát thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một (01) thành viên là nhân viên kế toán hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công Ty.

52.2 Thành viên Ban Kiểm Soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Ít nhất là hai mươi mốt (21) tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp Luật Việt Nam;

(b) Không phải là Người Có Liên Quan của bất kỳ Thành Viên Hội Đồng nào, của Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành), Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành), Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính) và các chức danh quản lý khác theo quyết định, tại từng thời điểm, của Đại Hội Đồng Cổ Đông; và

(c) Không nắm giữ các chức vụ quản lý trong Công Ty, không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc là người nhân viên của Công Ty.

52.3 Các Cổ Đông sở hữu ít hơn mười (10) phần trăm tổng số các cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nhiều hơn sẽ có quyền kết hợp quyền biểu quyết của mỗi cổ đông thành một nhóm các cổ đông để có thể chỉ định những ứng cử viên cho Ban Kiểm Soát. Các Cổ Đông hoặc nhóm các cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% các cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có quyền chỉ định một ứng cử viên; từ 30% đến dưới 65% sẽ có quyền chỉ định hai ứng cử viên; từ 65% trở lên sẽ có quyền chỉ định ba ứng cử viên.

Điều 53. Các quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát

53.1 Ban Kiểm Soát giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành), Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành), Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính) và các chức danh quản lý khác

của Công Ty, trong việc điều hành và quản trị Công Ty, theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

53.2 Ban Kiểm Soát thẩm định các báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên hoặc thường niên của Công Ty, và các báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị.

Ban Kiểm Soát trình các báo cáo về việc thẩm định các báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên hoặc thường niên của Công Ty, và các báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tổ chức hàng năm, và các báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị đến Đại Hội Đồng Cổ Đông vào các cuộc họp hằng năm.

53.3 Ban Kiểm Soát xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, công tác điều hành và quản trị các hoạt động của Công Ty vào bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của một Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) Các Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời gian ít nhất là sáu (06) tháng liên tiếp.

53.4 Khi có yêu cầu của một Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) Cổ Phần Phổ Thông trở lên trong thời gian ít nhất là sáu (06) tháng liên tiếp, Ban Kiểm Soát sẽ thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Ban Kiểm Soát phải báo cáo kết quả kiểm tra về vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông có yêu cầu trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, và sau đó gửi lên Đại Hội Đồng Cổ Đông trong cuộc họp kế tiếp.

Việc kiểm tra nêu trong Điều 53.4 không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị và không gây gián đoạn công tác điều hành các hoạt động kinh doanh của Công Ty.

53.5 Ban Kiểm Soát kiến nghị lên Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông những thay đổi và cải tiến về cơ cấu tổ chức, công tác quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công Ty.

53.6 Khi phát hiện có Thành Viên Hội Đồng hoặc bất kỳ người nào khác vi phạm nghĩa vụ của các chức danh quản lý của Công Ty theo quy định tại Điều 58 dưới đây, thì Ban Kiểm Soát phải thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt việc vi phạm và đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục hậu quả.

53.7 Ban Kiểm Soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao và có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi gửi các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 54. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát

54.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm Soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Các Thành Viên Hội Đồng.

54.2 Các báo cáo của Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành được gửi đến các thành viên của Ban Kiểm Soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Các Thành Viên Hội Đồng.

54.3 Các thành viên của Ban Kiểm Soát có quyền tiếp cận các hồ sơ và tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, các chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi các chức danh quản lý và nhân viên của Công Ty làm việc.

54.4 Hội Đồng Quản Trị, Các Thành Viên Hội đồng, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành), và các chức danh quản lý khác của Công Ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty khi có yêu cầu hợp lý của Ban Kiểm Soát.

Điều 55. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban Kiểm Soát

55.1 Một thành viên của Ban Kiểm Soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

(a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều 52 của Điều Lệ này;

(b) Không thực hiện các quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm Soát trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(c) Có thông báo từ chức bằng văn bản gửi đến Công Ty và được chấp thuận; hoặc

(d) Các trường hợp khác do Điều Lệ này quy định.

55.2 Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 55.1 trên đây,bất kỳ thành viên nào của Ban Kiểm Soát có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

(a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

(b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ Công Ty và của Luật Doanh Nghiệp

(c) Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

PHẦN VI

THÙ LAO VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ CÁC GIAO DỊCH CÓ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY

Điều 56. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành)

56.1 Công Ty có quyền trả thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác dựa theo việc thực hiện và hiệu quả kinh doanh của Công Ty.

56.2 Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty sẽ được trả theo các quy định sau:

(a) Đối với Hội Đồng Quản Trị:

Thành Viên Hội Đồng có quyền hưởng thù lao công việc và tiền thưởng theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Thù lao công việc sẽ được tính dựa trên số Ngày Làm Việc cần thiết để hoàn thành các nghĩa vụ của Thành Viên Hội Đồng và mức thù lao theo ngày.

Hội Đồng Quản Trị sẽ ước tính thù lao của từng thành viên trên nguyên tắc nhất trí. Tổng giá trị thù lao của Hội Đồng Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong cuộc họp thường niên. Các Thành Viên Hội Đồng được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

(b) Đối với Ban Kiểm Soát:

Thành viên của Ban Kiểm Soát có quyền hưởng thù lao công việc và tiền thưởng theo như quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Thù lao công việc sẽ được tính dựa trên số

Ngày Làm Việc cần thiết để hoàn thành trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát và mức thù lao theo ngày.

Ban Kiểm Soát sẽ ước tính thù lao của từng thành viên trên nguyên tắc nhất trí. Các thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận tại cuộc họp thường niên.

(c) Đối với Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty:

Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty (bao gồm Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành) và Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính) được trả lương và thưởng theo như quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

56.3 Thù lao và chi phí chi trả cho Thành Viên Hội Đồng, thành viên Ban Kiểm Soát, và tiền lương chi trả cho Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty (bao gồm Phó Tổng Giám đốc (Giám Đốc Điều Hành) và Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính) sẽ được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật Việt Nam, sẽ được trình bày thành mục riêng trong Báo Cáo Tài Chính thường niên của Công Ty, và sẽ được báo cáo cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 57. Công khai các lợi ích liên quan

57.1 Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công Ty;

57.2 Thành Viên Hội Đồng, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty (bao gồm Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành) và Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính)) có nghĩa vụ phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công Ty, bao gồm:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ Phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ Phần đó; và

(b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp mà Những Người Có Liên Quan của Thành Viên Hội Đồng, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng Cổ Phần hoặc phần vốn góp trên mười (10%) vốn điều lệ.

57.3 Việc kê khai quy định tại Điều 57.2 nêu trên phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

57.4 Việc kê khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai như quy định tại các Điều 57.1 và 57.2 được thực hiện như sau:

(a) Công Ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

(b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty, trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công Ty;

(c) Các Cổ Đông, các đại diện theo uỷ quyền của Các Cổ Đông, các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, các thành viên của Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

(d) Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Công Ty;

57.5 Thành Viên Hội Đồng, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình về bản chất và nội dung công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được phép thực hiện nếu được đa số (trên năm mươi phần trăm (50%)) các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 58. Nghĩa vụ của các chức danh quản lý của Công Ty

58.1 Thành Viên Hội Đồng, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) và các chức danh quản lý khác của Công Ty (bao gồm Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành) và Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính)) có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Thực hiện thẩm quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(b) Thực hiện thẩm quyền và các nhiệm vụ được giao một các trung thực, cẩn trọng nhất theo khả năng của mình nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Các Cổ Đông của Công Ty;

(c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Các Cổ đông của Công Ty; không sử dụng thông tin, bí mật, cơ hội kinh doanh của Công Ty, không lợi dụng chức vụ và thẩm quyền và tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của các tổ chức, cá nhân khác;

(d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công Ty về các doanh nghiệp mà họ và Những Người Có Liên Quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có phần vốn góp hoặc Cổ Phần chi phối, thông báo này sẽ được niêm yết trên trụ sở chính và các chi nhánh của Công Ty; và

(e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật Việt Nam.

58.2 Ngoài các nghĩa vụ đã nêu tại Điều 58.1 nêu trên, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành), và các chức danh quản lý khác của Công Ty (bao gồm Phó Tổng Giám Đốc (Giám Đốc Điều Hành) và Kế Toán Trưởng (Giám Đốc Tài Chính), có thể không được tăng lương và/hoặc nhận tiền thưởng khi Công Ty không có đủ khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 59. Hợp đồng và giao dịch phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận trước

59.1 Hợp đồng và giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị của Công Ty thông qua trước khi ký kết:

(a) Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ;

(b) Thành Viên Hội Đồng, Tổng Giám Đốc và người có liên quan của họ;

(c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 57.2 của Điều Lệ này.

59.2 Bất kỳ Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch Với Bên Có Liên Quan nào có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất sẽ phải được Hội Đồng Quản Trị chấp thuận. Trong trường hợp này:

(a) Người đại diện Công Ty ký Hợp đồng phải thông báo đến các Thành Viên Hội Đồng và Kiểm Soát Viên về các đối tượng liên quan đến Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch đó, đồng thời gửi kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của Giao Dịch.

(b) Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo và theo nguyên tắc đa số quá bán. Thành Viên Hội Đồng có lợi ích liên quan có thể tham dự cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và được tính vào số Thành Viên Hội Đồng tối thiểu để có thể tiến hành cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.quyền biểu quyết.

59.3 Các Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch Với Bên Liên Quan khác ngoài trường hợp được quy định tại Điều 59.2 nêu trên, bao gồm các giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Công Ty, phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận. Trong trường hợp này:

(a) Người đại diện Công Ty ký Hợp đồng phải thông báo đến các Thành Viên Hội Đồng và Kiểm Soát Viên về các đối tượng liên quan đến Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch đó, đồng thời gửi kèm theo dự thảo Hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của Giao Dịch;

(b) Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm trình dự thảo Hợp đồng hoặc giải trình những nội dung chủ yếu của Giao Dịch trong cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản về Giao Dịch đó.

(c) Các Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch Với Bên Liên Quan được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành trong trường hợp tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Các Cổ Đông có lợi ích liên quan có thể tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông nhưng không có quyền biểu quyết.

59.4 Bất kỳ Giao Dịch Với Bên Có Liên Quan nào được ký và thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại các Điều 59.2 và 59.3 trên đây, sẽ bị coi là vô hiệu và được xử lý theo quy định của Luật pháp Việt Nam. Người đại diện Công Ty ký kết Hợp đồng, Cổ Đông, Thành Viên Hội Đồng hoặc Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) có lợi ích liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh và phải nộp cho Công Ty những khoản lợi thu được từ việc thực hiện Hợp đồng và/hoặc Giao Dịch Với Bên Có Liên Quan đó.

PHẦN VII

BÁO CÁO, THÔNG TIN, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 60. Trình báo cáo hàng năm

60.1 Tại thời điểm kết thúc Năm Tài Chính, Hội Đồng Quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

(a) Dự toán ngân sách thường niên cho Năm Tài Chính tiếp theo của Công Ty;

(b) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công Ty;

(c) Báo Cáo Tài Chính hàng năm; và

(d) Báo cáo về công tác quản lý và điều hành Công Ty.

60.2 Các Báo Cáo Tài Chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán và phải được công khai để Cổ đông xem xét chậm nhất là bảy (07) ngày trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

60.3 Các báo cáo và tài liệu quy định tại Điều 60.1 nêu trên phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

60.4 Các báo cáo và tài liệu do Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị; các báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát, Báo Cáo Tài Chính hàng năm đã được kiểm toán, phải có ở trụ sở chính và các chi nhánh của Công Ty chậm nhất là mười (10) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 61. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công Ty

Công Ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

(a) Điều lệ Công Ty (bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Điều lệ Công Ty), và quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

(b) Sổ Đăng ký Cổ Đông, Cổ Phiếu, Trái Phiếu, và các chứng nhận sở hữu khác được cấp bởi Công Ty;

(c) Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh (bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào), Giấy Chứng Nhận Đầu Tư, giấy phép hoặc giấy chứng nhận hành nghề y tế của Công Ty và bất kỳ những sửa đổi, bổ sung nào đối với giấy phép hoặc giấy chứng nhận này, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có), giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm (nếu có), và các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);

(d) Các tài liệu và giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản khác của Công Ty;

(e) Các biên bản họp hoặc các tài liệu lấy ý kiến Cổ Đông và các ý kiến phản hồi của Cổ Đông, các nghị quyết hoặc quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(f) Các biên bản họp hoặc các tài liệu lấy ý kiến Thành Viên Hội Đồng Quản Trị và các ý kiến phản hồi của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, các nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

(g) Các báo cáo của Ban Kiểm Soát, các kết luận của cơ quan thanh tra, các kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

(h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, các Báo cáo Tài chính định kỳ hàng quý, nửa năm và hàng năm, báo cáo tình hình quản lý và kinh doanh của Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành); và

(i) Các tài liệu khác theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

Điều 62. Công khai và tiếp cận Thông tin của Công Ty

62.1 Công Ty phải gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền Báo cáo Tài chính hàng năm (đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua), và các tài liệu khác theo quy định của bản Điều Lệ này và theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

62.2 Các Cổ Đông của Công Ty có quyền xem xét và phải được cung cấp bản sao Báo cáo Tài chính hàng năm đã được kiểm toán, và tùy từng thời điểm, những thông tin khác về Công Ty, như được quy định trong bản Điều Lệ này và được quyết định bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông.

62.3 Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử (website) của mình về các thông tin sau đây:

(a) Điều lệ Công Ty;

(b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các Thành Viên Hội Đồng, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc Công Ty;

(c) Báo Cáo Tài Chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

(d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

62.4 Không phụ thuộc và không giới hạn tính tổng thể của Điều 62.2 nêu trên, Công Ty phải cung cấp cho những Người Nắm Giữ Lợi Ích các bản sao nguyên gốc đã được chứng thực/chứng nhận của:

(a) Báo cáo Tài chính hàng quý hoàn chỉnh chưa được kiểm toán trong vòng bảy mươi lăm (75) ngày kể từ ngày cuối cùng của quý tương ứng;

(b) Báo cáo Tài chính hàng năm hoàn chỉnh đã được kiểm toán trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày cuối cùng của năm tương ứng;

(c) Dự toán ngân sách hàng năm của Công Ty trong vòng chín mươi (90) ngày trước khi kết thúc mỗi năm tài chính;

(d) Bất kỳ báo cáo nào mà Công Ty gửi đến bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào có liên quan, cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày nộp báo cáo đó;

(e) Biên bản các cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày tiến hành các cuộc họp đó; và

(f) Các báo cáo về tình hình quản lý (kể cả các báo cáo về tình hình lời và thua lỗ) của Công Ty trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày sau ngày cuối cùng của mỗi tháng.

62.5 Theo yêu cầu của một Người Nắm Giữ Lợi Ích tùy từng thời điểm, Công Ty phải:

(a) Công khai bất kỳ thông tin nào có liên quan công việc kinh doanh và những thông tin quản lý khác của Công Ty trong thời gian chậm nhất ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; và

(b) Cho phép tiến hành một cuộc kiểm tra hợp lý đối với các cơ sở, sổ sách và hồ sơ của Tập Đoàn và thảo luận với các giám đốc, các quản lý, các nhân viên kế toán và nhân viên tư vấn pháp lý tương ứng về tình hình kinh doanh, hoạt động và những điều kiện của Tập Đoàn.

62.6 Tất cả tài liệu mà Công Ty cung cấp cho Người Nắm Giữ Lợi Ích phải bằng tiếng Anh và phải được Công Ty chứng thực/chứng nhận dịch chính xác từ bản gốc.

Chương V

NHỮNG VẤN ĐỀ CỔ ĐÔNG ĐƯỢC BẢO LƯU

THỐNG KÊ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Năm Tài Chính

63.1 Năm Tài Chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm dương lịch.

63.2 Năm Tài Chính đầu tiên của Công Ty sẽ bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Doanh Nghiệp lần đầu và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 64. Kế Toán và Báo Cáo Tài Chính

64.1 Sổ sách kế toán của Công Ty phải được lập và lưu giữ, bằng tiếng Việt và tiếng Anh, phù hợp với hệ thống VAS và IFRS, và Pháp Luật Việt Nam.

64.2 Vào cuối mỗi Năm Tài Chính, Công Ty phải lập và thực hiện việc kiểm toán đối với Báo Cáo Tài Chính hàng năm của Công Ty và công khai để Ban Kiểm Soát xem xét theo quy định tại Điều 60.2 và 60.3 của Điều Lệ này.

64.3 Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính, Báo Cáo Tài Chính hàng năm đã được kiểm toán của Công Ty phải được gửi đến Cơ quan Thuế, Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh và các cơ quan Nhà nước khác (nếu pháp luật có qui định).

Điều 65. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và nguyên tắc chịu lỗ trong kinh doanh

65.1 Sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo Pháp Luật Việt Nam, cũng như sau khi đã thanh toán đầy đủ những khoản nợ đến hạn và những nghĩa vụ tài sản khác, Công Ty sẽ lập các loại quỹ sau đây:

(a) Quỹ dự phòng: lên đến năm phần trăm (5%) lợi nhuận để lại; và

(b) Quỹ khen thưởng và phúc lợi xã hội: lên đến năm phần trăm (5%) lợi nhuận để lại.

65.2 Sau khi đã thanh toán và trích lập quỹ theo qui định tại Điều 65.1 nêu trên, và phụ thuộc vào quy định của Điều 28.2 ở trên, Công Ty sẽ sử dụng lợi nhuận còn lại để chia cổ tức cho các Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu Cổ Phần trong Công Ty của từng Cổ Đông, tại ngày trả cổ tức.

65.3 Các Cổ Đông của Công Ty phải gánh chịu các khoản lỗ của Công Ty tương ứng với và trong phạm vi tỉ lệ phần vốn góp của mỗi Cổ Đông trong Vốn Điều Lệ của Công Ty.

Điều 66. Cấp Vốn cho Công Ty

66.1 Góp Thêm Vốn của Người Nắm Giữ Lợi Ích

66.1.1 Nếu vì lợi ích tốt nhất của Công Ty, bất cứ lúc nào, Hội Đồng Quản Trị, bằng hành động một cách hợp lý, quyết định thu thêm vốn góp từ những Người Nắm Giữ Lợi Ích, thì Công Ty phải tạo cơ hội để mỗi Người Nắm Giữ Lợi Ích đóng góp thêm vốn bằng việc gửi thông báo bằng văn bản (một "**Thông Báo Góp Thêm Vốn**") đến mỗi Người Nắm Giữ Lợi Ích, với nội dung cụ thể như sau:

(i) tổng số vốn mà Công Ty yêu cầu mỗi Người Nắm Giữ Lợi Ích đóng góp sẽ tương ứng với tỉ lệ **Số Cổ Phần Được Giả Định** mà mỗi Người Nắm Giữ Lợi Ích sở hữu vào thời điểm đó ("**Số Vốn Góp Thêm**");

(ii) Người Nắm Giữ Lợi Ích sẽ chọn ngày góp thêm vốn cho Công Ty nhưng ngày góp Số Vốn Góp Thêm này phải không được sớm hơn mười bốn (14) Ngày Làm Việc kể từ ngày Thông Báo Góp Thêm Vốn ("**Ngày Góp Thêm Vốn**"); và

(iii) liệt kê một trong các cách thức có thể được lựa chọn để góp Số Vốn Góp Thêm là:

(a) đăng ký mua bằng tiền mặt đối với Những Cổ Phần đã được thanh toán toàn bộ theo giá đăng ký mua mỗi Cổ Phần được quyết định bởi Hội Đồng Quản Trị; hoặc

(b) đăng ký mua bằng ghi Nợ Vốn theo những điều khoản thương mại được quyết định bởi Hội Đồng Quản Trị;

(c) vay vốn từ những Người Nắm Giữ Lợi Ích theo những điều khoản thương mại được quyết định bởi Hội Đồng Quản Trị; hoặc

(d) một sự kết hợp của các cách thức góp vốn được quy định tại Khoản 66.1.1 (iii)(a), (b) và (c).

66.1.2 trong phạm vi những cách thức mà những Người Nắm Giữ Lợi Ích chọn để góp thêm vốn cho Công Ty, Công Ty phải đảm bảo rằng những Người Nắm Giữ Lợi Ích được yêu cầu phải góp Những Số Vốn Góp Thêm tương ứng của riêng họ dựa trên những điều khoản như nhau.

66.1.3 vào Ngày Góp Thêm Vốn, bất kỳ Những Người Nắm Giữ Lợi Ích nào góp thêm vốn sẽ phải chuyển Số Vốn Góp Thêm vào tài khoản ngân hàng của Công Ty và Công Ty sẽ (tùy theo hoàn cảnh):

(i) trong trường hợp đăng ký mua Cổ Phần, phát hành và chuyển giao tổng số Cổ Phần đã được thanh toán đầy đủ đó như đã được quyết định bởi Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 63.1.1(iii)(a) đối với mỗi Người Nắm Giữ Lợi Ích và cấp cho những Người Nắm Giữ Lợi Ích giấy chứng nhận đã thực hiện đúng hạn số vốn Cổ Phần tương ứng và đăng ký số lượng tương đương trong sổ đăng ký cổ phần của Công Ty; và/hoặc

(ii) trong trường hợp đăng ký mua bằng cách ghi Nợ Vốn, phát hành tổng số Vốn Nợ đó đối với mỗi Người Nắm Giữ Lợi Ích liên quan Số Vốn Góp Thêm.

66.1.4 Nếu có bất kỳ Người Nắm Giữ Lợi Ích từ chối góp thêm vốn (gọi là "**Góp Thêm Vốn**") (phù vì mục đích của Điều này, gọi là "**Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn**"), thì Công Ty phải chào bán Những Cổ Phần hoặc Vốn Ghi Nợ mà (những) Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn đó không đồng ý góp (gọi là "**Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư**") cho những Người Nắm Giữ Lợi Ích khác (mỗi người được gọi là "**Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn Khác**") thông qua việc thông báo bằng văn bản (gọi là "**Thông Báo Góp Vốn Còn Dư**") đến từng Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn Khác, với nội dung cụ thể dưới đây:

(i) số lượng Phần Vốn Góp Thêm Còn Lại và giá đăng ký mua cho mỗi Phần Vốn Góp Thêm Còn Lại đó; và

(ii) thời hạn mà Người Nắm Giữ Lợi Ích Không Nợ Vốn phải chấp nhận đề nghị mua đối với một số hoặc tất cả Phần Vốn Góp Thêm Còn Lại và thời hạn này không được sớm hơn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày Thông Báo Vốn Còn Lại; và

(iii) thời hạn thanh toán đối với số lượng Phần Vốn Góp Thêm Còn Lại được đăng ký mua và thời hạn này không được sớm hơn mười bốn (14) Ngày Làm Việc kể từ ngày Thông Báo Vốn Dư (gọi là "**Ngày Góp Vốn Còn Dư**").

Trong trường hợp Công Ty nhận được những chấp nhận mua nhiều hơn số lượng Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư, thì Công Ty phải phân bổ số Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư cho Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn Khác, những người đã chấp nhận đề nghị mua số Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư theo tỉ lệ Số Cổ Phần Được Giả Định mà những Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn Khác này sở hữu tương ứng tại thời điểm Góp Thêm Vốn được đề nghị đến tất cả những Người Nắm Giữ Lợi Ích tại thời điểm việc Góp Thêm Vốn mà họ chấp nhận đề nghị mua số Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư và Người Nắm Giữ Lợi Ích phải từ bỏ quyền ưu tiên mua đối với Cổ Phần và/hoặc Chứng Chỉ Ghi Nợ. Trong trường hợp Người Nắm Giữ Lợi Ích là một Người Nắm Giữ Lợi Ích Góp Thêm Vốn Khác đăng ký mua Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư, thì nhà đầu tư này phải thanh toán toàn bộ khoản tiền liên quan đến số Phần Vốn Góp Thêm Còn Dư đến hạn đó cho Công Ty đúng vào hoặc trước Ngày Góp Vốn Còn Dư.

66.2 Nguồn vốn từ HMC

Trong trường hợp Công Ty cần thêm vốn nhưng Hội Đồng Quản Trị quyết định là (i) không phát hành Thông Báo Góp Thêm Vốn, hoặc (ii) ngoài số vốn thu được từ những Người Nắm Giữ Lợi Ích theo quy định tại Điều 66.1, vẫn cần thêm vốn thì Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ, hoặc trực tiếp hoặc thông qua một Bên Liên Kết (mặc dù bên này sẽ không có nghĩa vụ thực hiện điều đó) góp thêm vốn cho bất kỳ Công Ty nào trong tập Đoàn theo những điều khoản thương mại (kể cả có liên quan đến lợi ích và sự đảm bảo) đã được Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ (hoặc Bên Liên Kết của Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ) và Công Ty liên quan trong tập Đoàn chấp nhận.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 67. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công Ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công Ty sẽ được thực hiện theo quy định tại các Điều 192, 193, 194, 195, 196, 197 và 198 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 68. Giải thể và thanh lý tài sản của Công Ty

68.1 Công Ty sẽ bị giải thể trong những trường hợp sau:

(a) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(b) Công Ty không còn đủ số lượng Cổ Đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục; hoặc

(c) Bị thu hồi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.

68.2 Công Ty chỉ được giải thể sau khi đã thanh toán hết tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự, thủ tục giải thể và thanh lý tài sản của Công Ty được thực hiện theo Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp.

Chương VII

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 69. Giải quyết tranh chấp

69.1 Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Cổ Đông trước hết phải do các bên giải quyết trên cơ sở hòa giải, và các văn bản có liên quan được sử dụng cho việc giải quyết tranh chấp sẽ có hiệu lực theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Điều 70.3 dưới đây.

69.2 Trong trường hợp các bên không thể hòa giải tranh chấp thì tranh chấp sẽ được đưa đến Trung Tâm Trọng Tài Quốc tế bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VIAC) để giải quyết theo Những Quy Tắc Trọng Tài hiện hành, là những quy tắc được xác định phù hợp với sự dẫn chiếu của Điều này. Địa điểm giải quyết tranh chấp sẽ là ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử bao gồm ba trọng tài viên. Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài có thể là Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt theo quyết định của HMC. Phán quyết của hội đồng trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực thi hành đối với Các Bên.

Điều 70. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc

70.1 Cổ Đông, nhóm Cổ Đông sở hữu ít nhất 1% số Cổ Phần Phổ Thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản Trị, giám đốc trong các trường hợp sau đây:

(a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp;

(b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

(c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp Luật Việt Nam, Điều Lệ Công Ty hoặc Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

(d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

70.2 Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ Đông, nhóm Cổ Đông khởi kiện nhân danh Công Ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 71. Hiệu lực và Giá trị của Điều Lệ

71.1 Bản Điều Lệ này được phê chuẩn theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 04 tháng 6 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015. Điều Lệ này sẽ tiếp tục có hiệu lực đầy đủ cho đến khi nó được thay thế theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, phù hợp với trình tự, thủ tục được quy định trong bản Điều Lệ này.

71.2 Những vấn đề nào liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công Ty, mà không được quy định trong bản Điều Lệ này, sẽ được điều chỉnh bởi Luật Doanh Nghiệp và các quy định Pháp Luật Việt Nam khác có liên quan.

71.3 Trong trường hợp có bất kỳ quy định nào trong bản Điều Lệ này trái với Pháp Luật Việt Nam hoặc vô hiệu hoặc không thể thi hành theo Pháp Luật Việt Nam, thì Hội Đồng Quản Trị phải đưa quy định đó ra tại Cuộc Họp gần nhất của Đại Hội Đồng Cổ Đông để xem xét và sửa đổi.

Điều 72. Các quy định khác

72.1 Điều Lệ này có bảy (07) Chương và bảy mươi hai (72) Điều, được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau theo Pháp Luật Việt Nam. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ sự khác biệt nào thì bản tiếng Việt sẽ được sử dụng cho việc giải thích Điều Lệ này.

72.2 Điều Lệ này được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Anh và bảy (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, trong đó: một (01) bản tiếng Anh và một (01) bản tiếng Việt được gửi đến đăng ký tại Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh nếu có yêu cầu; một (01) bản tiếng Anh và một (01) bản tiếng Việt được lưu tại trụ sở Công Ty; Công Ty Cổ Phần Y Khoa Hoàn Mỹ giữ một (01) bản tiếng Anh và một (01) bản tiếng Việt.

72.3 Điều Lệ này thay thế cho bản Điều Lệ hiện hành ngày 29 tháng 9 năm 2014, kể từ ngày được qui định tại Điều 71.1 nêu trên.

72.4 Mọi bản sao chép và trích lục đối với Điều Lệ này chỉ có hiệu lực khi chúng được ký xác nhận bởi các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc Điều Hành) của Công Ty và được đóng dấu của Công Ty. (Trang này được cố ý để trống, chữ ký ở trang sau)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2015

	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật
	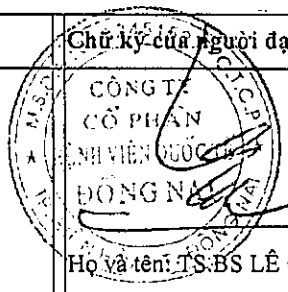
	Họ và tên: TS.BS LÊ QUỐC SỬ
	Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức
1	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (ĐẠI DIỆN: BÀ NGUYỄN THỊ LỆ HỒNG)	Số 21, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	3600253505
2	NGUYỄN TRỌNG ĐOÀN	Số 93/10, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	B2954849
3	NHÓM CỔ ĐÔNG (ĐẠI DIỆN: ÔNG PHÙNG VĂN NHÌ)	17/8A, Khu phố 2, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	270068103
4	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	Số 93/10, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	N1160483

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ ĐỒNG NAI
SAO Y BẢN CHÍNH
SỐ: 04 NGÀY: 12/11/2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3602451527 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Hồ Thị Thanh Mai